

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 23-8-2017

“V/v: Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Thoa;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Hồng Hà;

Bà Phan Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thùy Trân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2017 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Phan Văn H**, sinh năm: 1974;

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm: 1971;

Cùng cư trú tại: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên; đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 06/3/2017, bản tự khai, nguyên đơn Phan Văn H trình bày: Nguyên đơn và bị đơn Nguyễn Thị L tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn năm 2006 tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Sau khi kết hôn, thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc nhưng đến năm 2008 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã, anh đã bỏ nhà đi từ tháng 10/2008 đến nay. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với bị đơn chị L.

Về con chung: Có 02 con chung là Phan Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 04/10/2006 và Phan Đăng K, sinh ngày 01/4/2009, cháu Đ lâu nay ở với chú (em anh H), cháu K do mẹ nuôi. Ly hôn, anh yêu cầu được nuôi cháu Đ, giao chị L nuôi cháu K, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Bị đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Thông nhất về phần kết hôn như anh H trình bày. Tuy nhiên, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì nhưng do anh H có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác nên anh đã bỏ nhà đi từ năm 2008 đến nay. Nay anh yêu cầu ly hôn thì chị không chấp nhận. Hơn nữa, lâu nay mẹ con chị ở trên đất của cha mẹ chồng cho ở tạm, nếu ly hôn thì mẹ con chị sẽ không có chỗ ở nên chị kiên quyết không đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung như anh H trình bày, con lâu nay do chị nuôi, cháu Đ thỉnh thoảng có qua lại nhà chú chơi chứ không phải do chú nuôi. Nếu ly hôn, chị yêu cầu được nuôi hai con và yêu cầu anh H chỉ cấp dưỡng nuôi 01 con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự đoàn tụ nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn anh Phan Văn H và bị đơn chị Nguyễn Thị L tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn năm 2006 tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì đến tháng 10/2008 phát sinh mâu thuẫn và nguyên đơn bỏ nhà đi từ đó cho đến nay. Theo nguyên đơn mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm nhưng theo bị đơn thì nguyên đơn bỏ đi là để theo người phụ nữ khác. Xét thấy, hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn chưa lâm vào tình trạng trầm trọng đến mức phải ly hôn, mâu thuẫn vợ chồng cũng chưa được gia đình và chính quyền địa phương hòa giải. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, bác yêu cầu của nguyên đơn xin ly hôn với bị đơn.

[3] Về nuôi con chung: Có 02 con chung nhưng do bác yêu cầu ly hôn của nguyên đơn nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Do bác yêu cầu ly hôn và các đương sự cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bác yêu cầu của nguyên đơn Phan Văn H yêu cầu ly hôn với bị đơn Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: do bác yêu cầu ly hôn của nguyên đơn nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Do bác yêu cầu ly hôn và các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn Phan Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số AA/2015/0005466 ngày 13/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã H;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Khánh Thoa